| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – H phúc** |

Bản án số: 28 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2019
V/v "Ly hôn, quyền nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang
2. Ông Nguyễn Trọng Di
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019. việc kiện " Xin ly hôn, quyền nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX ngày 14/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

- N đơn: bà **Phạm Thị Hồng H,** sinh năm 1993
Địa chỉ: số 245 Nguyễn Thái Học, khu phố 5, phường 2, thị xã G, tỉnh T
- Bị đơn: ông **Tô Ngọc N,** sinh năm 1989
Địa chỉ (Nơi cư trú cuối cùng): thôn Vĩnh Phúc, xã V, huyện T, Bình Thuận
( N đơn, bị đơn đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn **bà Phạm Thị Hồng H trình bày**:

- Về hôn nhân: bà và ông Tô Ngọc N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 12 ngày 28/3/2013 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống H phúc đến tháng 12 năm 2013 thì ông N bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay, bà đã làm thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông N và đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số: 03/2018/QĐST-DS, ngày 24/8/2018. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con chung: có 01 con chung: tên Tô Thị Ngọc H, sinh ngày 14/7/2013 hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

**Bị đơn ông Tô Ngọc N**, vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông N vẫn không có mặt.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H, bà H được ly hôn với ông Tô Ngọc N.

- Về con chung: giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Tô Thị Ngọc H, sinh ngày 14/7/2013 cho đến khi thành niên; bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: bà H phải chịu án phí theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn bà H vẫn giữ N yêu cầu xin ly hôn với ông N và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. xét yêu cầu của N đơn, thì đây là vụ kiện "Ly hôn, quyền nuôi con", bị đơn có nhân khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn Vĩnh Phúc, xã V, huyện T, Bình Thuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/7/2019; đối với bị đơn ông N, trong quá trình giải quyết vụ án ông không có mặt tại địa phương, bà H đã làm thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông N và đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số: 03/2018/QĐST-DS, ngày 24/8/2018 và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn không có mặt., do đó áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt N đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 28/3/2013, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà H khai, sau thời gian chung sống đến tháng 12 năm 2013, thì ông N bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay, không liên lạc gì với bà, hiện nay không biết ông N ở đâu. Tại tòa hôm nay, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N nữa và yêu cầu xin được ly hôn với ông N.

Như vậy, mục đích hôn nhân của họ không đạt được H phúc, cuộc sống chung họ đã tự chấm dứt suốt thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H là chính đáng, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con, tên Tô Thị Ngọc H, sinh ngày 14/7/2013 từ khi ông N ra đi đến nay do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà H.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sơ đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

***- Căn cứ vào:*** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

***- Tuyên xử:*** chấp nhận toàn bộ yêu cầu của N đơn.

1. Về hôn nhân: cho bà Phạm Thị Hồng H ly hôn với ông Tô Ngọc N.

2. Về con chung: giao con chung tên Tô Thị Ngọc H, sinh ngày 14/7/2013 cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ tuổi thành niên; bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Bà H không được ngăn cản ông N quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có

4. Về án phí: bà H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí của bà H, nộp tại biên lai thu tiền số 0025944 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm N đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Thạch**